

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Sang.
2. Bà Lê Thị Thu Yến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 794/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy U**, sinh năm: 1986;  
Địa chỉ: Số B, đường F, Khu phố R, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Trần Văn Phúc**, sinh năm: 1987;  
Địa chỉ: Số B, đường F, Khu phố R, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị U, vắng mặt anh P)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy U trình bày: Do quen biết nên vào năm 2010 chị và anh Trần Văn P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P thường ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Quỳnh L, sinh ngày 01/01/2011. Chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 12/5/2020 chị U thay đổi yêu cầu. Chị U đồng ý giao cháu L cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị U.

\* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị U là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị U được ly hôn với anh P. Về con chung giao con chung cho anh P nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy U và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 201, ngày 07/6/2010. Ngày 14/10/2019 chị U khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy U và anh Trần Văn P được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P thường ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình. Chị U đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P không thay đổi. Chị U và anh P đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh P đến để tham dự phiên tòa, nhưng anh P vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh P không đến dự phiên tòa là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Theo kết quả thu thập chứng cứ thì ngày 30/10/2019 chị U có bị anh P hành hung ngoài đường, chị đã báo Công an Phường K, Tp M lập biên bản (BL 30-33), chứng cứ này phù hợp với việc chị U trình bày anh P thường có hành vi bạo lực gia đình với chị tại nhà và nơi làm việc. Tại phiên tòa, chị U trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh P nên cương quyết ly hôn, cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Quỳnh L, sinh ngày 01/01/2011. Tại phiên tòa, chị U đồng ý giao con chung cho anh P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L hiện nay đã trên 07 tuổi, đang trực tiếp chung sống với anh P và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với cha. Do đó, tiếp tục giao cháu L cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng. Chị U có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị U thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy U.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy U được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh L, sinh ngày 01/01/2011 cho anh Trần Văn P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Thúy U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Trần Quỳnh L đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh P có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu chị U chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị U đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000625 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy U có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- UBND xã T, H C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thúy Hằng**